TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 02 năm 2022

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Gia Khải

2. Ông Phạm Văn Diễn

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX-ST ngày 12/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân H, sinh năm 1980

Nơi cư trú: thôn N, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1982

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Anh H có mặt, chị N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn anh Phạm Xuân H có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân H kết hôn với chị Đặng Thị N trên cơ

sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/7/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã A và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp bất đồng quan điểm sống, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã A sinh sống từ đó đến nay, vợ chồng ly thân từ tháng 12/2020. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh H trình bày vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn chị Đặng Thị N vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản xác minh với ông Đặng Thái Đ (bố đẻ chị N), địa chỉ: thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Anh Phạm Xuân H và chị Đặng Thị N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2019 tại UBND xã A. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H, chị N sống tại xã A. Quá trình chung sống vợ chồng anh H, chị N có phát sinh mâu thuẫn. Anh H và chị N đã ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Về con chung: Anh H và chị N không có con chung. Về tài sản chung: Ông không nắm được.

Chị N vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn A, xã Q, huyện Q, nhưng ở tại gia đình ông tại thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Hiện nay chị N đi làm tại công ty và ở nhà ông, sáng đi tối về. Gia đình ông đã nhận được các văn bản, quyết định tố tụng của Tòa án giao cho chị N và thông báo, giao cho chị N biết. Quan điểm của chị N về việc Anh H xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Tại biên bản xác minh với UBND xã A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện:

Anh Phạm Xuân H và chị Đặng Thị N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 05/7/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã A và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng anh H, chị N có mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2020 đến nay. Nay Anh H có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh H và chị N không có con chung. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là thể hiện chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa anh Phạm Xuân H và chị Đặng Thị N là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa… cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh H, chị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/7/2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay, không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc Anh H đề nghị ly hôn nhưng chị N không trực tiếp đến trình bày quan điểm với Tòa án. Điều này chứng tỏ chị N không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H, chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H, xử cho anh được ly hôn chị N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Phạm Xuân H và chị Đặng Thị N không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Xuân H không yêu cầu giải quyết, chị Đặng Thị N không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Phạm Xuân H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Phạm Xuân H được ly hôn chị Đặng Thị N.

2. Về quan hệ con chung: Anh Phạm Xuân H và chị Đặng Thị N không có con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Xuân H phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* Anh H đã nộp theo Biên lai thu số 0004491 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Đặng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã A, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh